

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/04/2022

*“V/v ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 312/2021/ TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L** - Sinh năm 1998

KHTT: Thôn H, xã Q, thành phố Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Khu S thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn Th** - Sinh năm 1994

Hiện cư trú tại: Thôn H, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:* Chị và anh Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T (nay là Thành phố H) ngày 06/2/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở gia đình anh Th. Hai vợ chồng đều làm công nhân, cuộc sống cũng bình thường, tuy nhiên do vợ chồng không hòa hợp nên thường đánh nhau, bản thân anh Th cũng không hợp với gia đình nên hay cãi nhau và mỗi lần như vậy anh lại đánh chị. Do cuộc sống áp lực, không có hạnh phúc nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hòa Bình sinh sống từ tháng 9 năm 2018 và sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm tới ai. Đến cuối năm 2018 anh Th đi Đài Loan – Trung Quốc để lao động, vợ chồng không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị

Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn Th khai: Về thời gian kết hôn đúng như chị L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp nên thường cãi nhau. Tháng 9/2018 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, đến cuối năm 2018 thì anh đi lao động ở nước ngoài. Vợ chồng sống không còn tình cảm, không liên lạc với nhau. Đến đầu năm 2022 anh về Việt Nam sinh sống và được biết chị L có đơn ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung, tài sản chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L, anh Th vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 56 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Th. Về con chung, tài sản chung không đặt ra giải quyết. Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị L sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phạm Văn Th có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn H, xã Q, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, trước khi thụ lý vụ án thì anh Th đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, tháng 1/2022 anh Th đã về Việt Nam sinh sống. Tại phiên tòa chị L, anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Th (nay là Thành phố H) ngày 06/2/2017 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra xô sát, đánh nhau. Tháng 9/2018 chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm tới ai. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Chị L và anh Th cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí đề

ngiht Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh Thắng là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị L** ly hôn anh **Phạm Văn Th**

2. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004666 ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, TP H (để ghi sổ hộ tịch);
- UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**